

BIỂU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-BQL ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH			
1.1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kế hoạch, Quyết định, công văn, chỉ đạo, quán triệt...)	Văn bản	10	
1.2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
1.2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	20	Đưa ra khỏi KH 01 nhiệm vụ tại CV số 432/BQL-VP1 ngày 28/5/2024
1.2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	
1.3.	Kiểm tra CCHC			
1.3.1	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
a	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	3	
b	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	3	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ, kết luận do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	1	Bỏ 02 nhiệm vụ được giao tại QĐ số 2338/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 theo văn bản số 1426/UBND-KTN ngày 19/4/2024
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	1	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.4.	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	

II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
2.1.	Tổng số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	1	
2.1.1.	Số văn bản QPPL được thông qua	Văn bản	0	
2.1.2.	Số văn bản QPPL được ban hành	Văn bản	1	
2.1.3.	Số văn bản QPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.2.	Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết	Văn bản	0	
2.2.1.	Tổng số văn bản quy định chi tiết được cấp có thẩm quyền giao	Văn bản	0	
2.2.2.	Số văn bản quy định chi tiết đã được ban hành	Văn bản	0	
2.2.3.	Số văn bản chi tiết còn nợ đọng (quá hạn)	Văn bản	0	
2.3.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.3.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.3.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.4.	Tỷ lệ VBQPPL sau rà soát	%	100	
2.4.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	3	
2.4.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	3	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
3.1.	Thông kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	5	
3.1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	3	
3.1.4.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	38	
a	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	38	

b	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	0	
c	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	0	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	Ban Quản lý là đơn vị đặc thù, thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Ban Quản lý
3.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100	
a	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1	
b	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1	
3.3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
a	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	Trong năm 2024 có PAKN nào của cá nhân, tổ chức
b	Số PAKN đã xử lý xong	PAKN	0	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số đơn vị hành chính trực thuộc	đơn vị	3	Văn phòng; phòng Nghiệp vụ; Văn phòng đại diện
4.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	đơn vị	1	Trung tâm Dịch vụ Khu kinh tế
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	21	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	11	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	1	

4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Hiện tại, Ban Quản lý KKT mới được thành lập, số lượng biên chế công chức có mặt chưa đủ so với biên chế được giao nên Ban không thực hiện tinh giản
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0,0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	16	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	12	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Hiện tại, đơn vị sự nghiệp thuộc Ban mới được thành lập, số lượng biên chế viên chức có mặt chưa đủ so với biên chế được giao nên Ban không thực hiện tinh giản
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số đơn vị hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	đơn vị	1	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	đơn vị	1	
5.1.3.	Số đơn vị có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	3	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành hiện có mặt	Người	4	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	

5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng trực thuộc bị kỷ luật	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL trực thuộc bị kỷ luật.	Người	0	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
6.1.	Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Văn bản	2	
6.2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) trực thuộc	Đơn vị	0	
6.2.1	Tổng số ĐVSN trực thuộc	Đơn vị	1	
6.2.2	Số ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
6.2.3	Số ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6.2.4	Số ĐVSN tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
a	Số ĐVSN tự đảm bảo từ 70%-dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
b	Số ĐVSN tự đảm bảo từ 30%-dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
c	Số ĐVSN tự đảm bảo từ 10%-dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị	1	
VIII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
7.1.	Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT		1	
7.1.1	Số nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	Nhiệm vụ	2	

7.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch	Nhiệm vụ	1	Còn 01 nhiệm vụ chưa được giao kinh phí để thực hiện "Xây dựng phần mềm quản lý, điều phối phương tiện, bãi đỗ xe tại cửa khẩu Quốc tế Ma Lù Thàng"
7.2.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của đơn vị được xử lý trên môi trường mạng	%	100	
7.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị (chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử)	%	100	
7.4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
7.4.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	0	
a	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
b	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	5	
c	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	
a	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	
b	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1	
c	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.5	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
7.5.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	6	
7.5.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	6	
7.7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (chỉ thống kê đối với mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
7.7.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	0	
7.7.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	0	
7.8	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	

7.8.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính(tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí	Thủ tục	0	
7.8.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	1	